

Bản án số: 28/2019/DS-PT

Ngày: 25-02-2019

V/v: “*Tranh chấp
hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Hòa**

Ông **Triệu Quốc Hiếu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Thị Trúc Lâm** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2017/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: tranh hợp đồng mua bán.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST, ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2019/QĐ-PT, ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **L. B. H.**, sinh năm 1961, (có mặt).

Địa chỉ: Số 1/6, đường H, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: ông **Mai Trung Triều**, vắng mặt.

Địa chỉ: đường N. C. T., khóm a, phường 5, thành phố Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà L. B. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2018 nguyên đơn bà L. B. H trình bày:

Ngày 30/5/2004 cho đến ngày 20/6/2004 bà có bán thức ăn thủy sản cho ông M. T. T để nuôi cá tra xuất khẩu, tính đến ngày 26/6/2004 thì ông T nợ bà với số tiền 177.000.000 đồng. Ông T đã thanh toán được 150.000.000 đồng. Ngày 22/02/2005 bà và ông T quyết toán sổ thì ông T còn nợ bà 27.000.000 đồng. Ngày 30/4/2005 bà đến đòi ông T thì ông T có ghi sổ còn nợ 27.000.000 đồng và hẹn đến tháng 5 năm 2015 sẽ trả đủ cho bà nhưng đến nay ông T vẫn chưa trả số nợ này. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nợ vốn 27.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 01/5/2005 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 15%/tháng.

Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho ông T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu khởi kiện ông T trả 27.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng từ ngày 01/5/2005 đến ngày xét xử (ngày 22/10/2018) tính tròn là 161 tháng 15 ngày.

Tại bản án sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST, ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Tuyên xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 305, 401, 428, 438 BLDS 2005, Điều 1 Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L. B. H.

Buộc ông M. T. T có nghĩa vụ trả cho bà L. B. H số tiền gốc là 27.000.000 đồng và lãi là 22.781.205 đồng. Tổng cộng là 49.781.250 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Vào ngày 06 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn bà L. B. H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm. Yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng từ năm 2005 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà L. B. H thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ năm 2005 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long nêu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét kháng cáo của bà H là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bà H phải chịu án phí phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà L. B. H kháng cáo trong thời hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông M. T. T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông M. T. T theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà L. B. H thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ năm 2005 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy giữa bà L. B. H và ông M. T. T. có mối quan hệ làm ăn mua bán với nhau, bà H bán thức ăn cho ông T nhiều lần và đến ngày 30/4/2005 ông T và bà H có kết toán tiền nợ với nhau và ông T còn nợ lại bà H số tiền 27.000.000 đồng nhưng đến nay ông T vẫn không thanh toán cho bà H. Theo cam kết giữa ông T với bà H thì sau khi mua hàng 30 ngày thì ông T phải thanh toán hết cho bà H. Ngày 30/4/2005 ông T có ghi văn bản hẹn đến hết tháng 5/2009 sẽ trả đủ số tiền nợ cho bà H, nhưng bà H xác định chỉ cho ông T nợ hết tháng 5/2005 sẽ trả số tiền nêu trên, nên bà H có sửa lại trong văn bản hẹn trả nợ. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu thời điểm trả nợ cuối cùng và tính lãi là hết tháng 5/2005 là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, bị đơn ông M. T. T không kháng cáo và căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 thì ông M. T. T phải có nghĩa vụ chịu lãi suất với thời hạn chậm thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức lãi suất 0.75%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H. Mặc khác

từ khi bà H khởi kiện đến nay phía Tòa án đã thực hiện tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng phía ông M. T. T không đến và không có ý kiến chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình. Đối với việc bà H thay đổi yêu cầu kháng cáo cũng liên quan đến thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, nên Hội đồng xét xử xem xét phần thay đổi yêu cầu khởi kiện này. Mức lãi suất của bà H yêu cầu được tính như sau: 27.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 160 tháng 15 ngày = 32.501.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi ông Mai Trung Triều phải trả cho bà L. B. H số tiền 59.501.000 đồng.

[2]. Về án phí dân sự:

[2.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông M. T. T phải nộp số tiền là 2.975.000 đồng.

- Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H.

[2.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà L. B. H.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 305, 401, 428, 438, khoản 4 Điều 431 và khoản 2 Điều 432 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L. B. H.

- Buộc ông M. T. T có nghĩa vụ trả cho bà L. B. H số tiền gốc 27.000.000 đồng và tiền lãi là 32.501.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 59.501.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông M. T. T phải nộp số tiền là 2.975.000 đồng.
- Hoàn trả cho bà L. B. H số tiền 2.008.000 đồng theo biên lai thu số 0003453 ngày 09/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà L. B. H số tiền 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004080 ngày 09/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND TPVL: 01;
- Chi Cục THADS TPVL: 01;
- Các Đ/s: 2 ;
- Lưu: 04.

Vương Minh Tâm

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Mai Trung Triều phải nộp số tiền là 2.975.000 đồng.
- Hoàn trả cho bà Lai Bạch Hoa số tiền 2.008.000 đồng theo biên lai thu số 0003453 ngày 09/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Lai Bạch Hoa số tiền 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004080 ngày 09/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hòa Triệu Quốc Hiếu

Vương Minh Tâm